

# TRIẾT LÝ VỀ VIỆC HỌC TRONG TỤC NGỮ VIỆT NAM

ThS. TRẦN THỊ THOM\*

Ngày nhận bài: 21/04/2016; ngày sửa chữa: 21/04/2016; ngày duyệt đăng: 21/04/2016.

**Abstract:** This article analyses philosophy on learning of Vietnamese proverbs and the role of teacher in helping students get knowledge and practice skills. Contents of these proverbs can be applied in teaching at current period to enhance quality of education in line with requirements of education reform.

**Keywords:** Philosophy, proverb.

**T**rong bối cảnh Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT đi vào cuộc sống, một vấn đề đặt ra là triết lý giáo dục của Việt Nam là gì? Chúng ta thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục dựa trên cơ sở triết lý nào? Bài viết là sự trở về với các triết lý dân gian đã được cha ông ta đúc kết trong tục ngữ Việt Nam, bước đầu tìm hiểu *triết lý về việc học*, tạo cơ sở cho việc thấu hiểu triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay.

Triết lý về việc học trong tục ngữ Việt Nam được thể hiện ở một số nội dung cơ bản sau đây:

## 1. Vai trò và mục đích của việc học

Trước hết, tục ngữ Việt Nam khẳng định việc học là tất yếu đối với mỗi con người. Thông qua việc học, con người được rèn luyện, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm sống, giúp con người hình thành và hoàn thiện nhân cách: “*Người không học như ngọc không mài*” [1; tr 118], “*Dao có mài mới sắc, người có học mới nên*” [2; tr 109]. Việc học có vai trò rất quan trọng đối với cuộc đời con người, giúp con người có cuộc sống tốt đẹp hơn: “*Học thành, danh lập*” [1; tr 121], “*Học hành vất vả, kết quả ngọt bùi*” [2; tr 120]. Ngày nay, việc học càng trở nên quan trọng. Học chính là “chìa khóa” của sự tồn tại, hội nhập và phát triển.

Qua mỗi giai đoạn lịch sử, nhân dân ta có quan niệm khác nhau về mục đích của việc học. Thời phong kiến, mục đích của việc học là để làm quan, con đường khoa bảng là con đường dẫn tới vinh hoa, phú quý. Quan niệm này có ưu điểm là khiến con người quyết chí vươn lên, phấn đấu hết mình cho việc học hành, thi cử để thay đổi cuộc đời. Tuy nhiên, nó cũng có điểm hạn chế, đó là nếu không đỗ đạt, không được làm quan thì việc học được xem là vô ích. Đồng thời, do chịu sự quy định của cơ sở kinh tế nông nghiệp nên việc đỗ đạt, làm quan dẫn đến hệ quả là: “*Một người làm quan thì sang cả họ*”, “*Một*

*người làm quan cả họ được nhờ*” [1; tr 109]. Đó là vấn nạn xã hội tồn tại đến tận ngày hôm nay. Để hạn chế được điều này, đòi hỏi mỗi cán bộ phải “chí công, vô tư”, vừa “hồng” vừa “chuyên”, hết mình vì sự phát triển chung; đồng thời cần có những quy định chặt chẽ, khách quan, công khai trong công tác tuyển dụng, bố trí cán bộ.

Từ khoảng giữa thế kỉ XX, quan niệm về mục đích của việc học đã có sự thay đổi mang tính cách mạng. Tháng 9/1949, khi đến thăm Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, (tiền thân của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ngày nay), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi trên trang đầu của cuốn sổ vàng: “*Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại*”. Có thể nói, mục đích của việc học trong tư tưởng Hồ Chí Minh là hết sức nhân văn, cao đẹp. Học để làm việc, làm người, làm cán bộ nhưng không phải đơn thuần vì cái riêng, vì bản thân, gia đình mình mà học là vì cái chung, vì sự nghiệp chung của giai cấp, dân tộc và nhân loại.

Tư tưởng nhân văn, tiến bộ về việc học của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được dân gian hóa thành câu tục ngữ: “*Học để làm người*” [2; tr 120] và được nhân dân sử dụng như tài sản tinh thần quý báu của cả dân tộc. Học để làm giàu kiến thức, kinh nghiệm, vốn sống cho bản thân mình, để có đủ đức, đủ tài để cống hiến cho xã hội, học để luôn thấy hạnh phúc trong suy nghĩ và tình cảm, để sống với nhau có tình có nghĩa hơn... Tư tưởng này tương đồng với 4 trụ cột đã được UNESCO xây dựng và công bố năm 1996 về việc học, định hướng cho sự phát triển giáo dục ngày nay, đó là: *Học để biết* (learning to know); *Học để làm* (learning to do); *Học để xác lập bản thân* (learning to be) và *Học để chung sống* (learning to live together). Tuy nhiên,

\* Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

## **DIỄN ĐÀN ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** (Diễn đàn với sự hợp tác của Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực)

chữ “người” trong quan niệm của cha ông ta còn được hiểu là con người luôn có ý thức vươn lên, đấu tranh cách mạng cho hòa bình, tự do, hạnh phúc. Vì vậy, học còn là để trở thành người cách mạng, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân. Qua đó, cho thấy quan niệm sâu sắc, tầm nhìn tiến bộ của cha ông ta về việc học nói riêng và giáo dục nói chung.

### **2. Nội dung và phương pháp học**

Từ mục đích của việc học là: học để làm người, cha ông ta đã khẳng định sự toàn diện trong nội dung học: “*Học ăn, học nói, học gói, học mở*”. Nội dung học không chỉ đơn thuần học kiến thức mà còn học cách sống, học cách làm việc, học văn hóa ứng xử - học cách làm người. Có thể thấy, ngay từ xưa, cha ông ta đã có cái nhìn toàn diện, đúng đắn về việc học, gắn việc học với việc thực tiễn cuộc sống, để phục vụ cuộc sống. Hiện nay, mặc dù chúng ta đã có sự đổi mới tư duy trong giáo dục nhưng thực tế cho thấy việc dạy và học vẫn nặng về lí thuyết do đó người học mặc dù rất giỏi về chuyên môn nhưng lại yếu về kĩ năng sống và năng lực hoạt động thực tiễn. Điều đó đòi hỏi những nhà quản lí giáo dục, những người làm công tác giáo dục phải tiếp tục nghiên cứu tìm tòi, đổi mới nội dung giáo dục nhằm đào tạo con người một cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao mà thực tiễn đặt ra.

Từ nội dung của việc học, cha ông ta đã có những đúc kết sâu sắc về phương pháp học thông qua những câu nói hết sức ngắn gọn:

**2.1. Trong quá trình học, con người cần linh hoạt, sáng tạo:** “*Học một biết mười*” [2; tr 34], “*Nhất sự suy vạn sự*” [1; tr 121]. Để làm được điều đó đòi hỏi người học phải không ngừng tìm tòi suy ngẫm, không chỉ dừng lại kiến thức trong sách vở, không chỉ dừng lại ở những điều nhà trường cung cấp mà phải liên hệ, mở rộng với những vấn đề khác, với thực tiễn cuộc sống,... Thật vậy, kiến thức là vô cùng, bản thân mỗi con người không thể học hết được, do đó con người cần chủ động, sáng tạo trong việc học, “*tích tiểu thành đại*” để mở rộng và làm phong phú kiến thức cho bản thân mình.

**2.2. Học phải chăm chỉ, chịu khó, đặc biệt phải tự học là chủ yếu:** “*Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi*” [1; tr 131], “*Bố mẹ dạy không bằng thầy dạy, thầy dạy không bằng mình suy nghĩ*” [1; tr 94]. Để có thể thành công trong việc học, đòi hỏi con người phải chăm chỉ, chịu khó bởi con đường chinh phục tri thức nhân loại là vô cùng gian nan, vất vả, là không có điểm tận cùng, không có giới hạn trong khi khả năng nhận thức và cuộc đời của mỗi con người là có giới hạn. Do đó, mỗi

người cần không ngừng học hỏi, phải tự học, tự trang bị kiến thức để hoàn thiện bản thân mình. Đây là quan niệm đúng đắn, tiến bộ về việc học, nó thúc đẩy tính chủ động, tự giác, tình yêu, sự say mê của con người đối với việc học để tự chiếm lĩnh kiến thức, không tri hoãn, ỷ lại hay trông chờ vào ai...

**2.3. Học qua nhiều “kênh” khác nhau, học đi đôi với hành.** Tục ngữ khẳng định việc học của con người không chỉ giới hạn ở việc học trên sách vở, học ở thầy mà con người cần học ở bạn, học trong cuộc sống, trong nhân dân: “*Đi một ngày đàng học một sàng khôn*” [1; tr 69], “*Học thầy chả tầy học bạn*” [3; tr 142]. Đồng thời, học phải đi đôi với hành, gắn việc học với thực tiễn cuộc sống, với hoạt động lao động sản xuất: “*Trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một làm*” [2; tr 331], “*Có học mới hay, có cây mới biết*” [2; tr 103]. Những quan điểm tiến bộ trên đây thể hiện cái nhìn khoa học của cha ông ta về việc học. Vì mục đích của việc học là để làm người, do đó, con người cần tích lũy kiến thức trên nhiều phương diện khác nhau, từ nhiều đối tượng khác nhau. Ở đâu con người cũng cần phải học, học mọi nơi, mọi lúc. Quan điểm này thể hiện một thái độ khiêm nhường, sự trân trọng con người của cha ông ta, đó là: ai cũng có cái mà ta đáng phải học, ở đâu cũng có cái cho ta tích lũy; thầy không chỉ có trong nhà trường, trong sách vở mà còn có trong cuộc sống, trong những người xung quanh ta. Quan điểm này vừa thể hiện sự toàn diện của việc học, vừa thể hiện thái độ nhân văn, cầu thị của con người trên con đường lập thân, lập nghiệp.

### **3. Học suốt đời**

Học suốt đời là quan niệm hết sức đúng đắn tiến bộ, được thể hiện qua câu tục ngữ: “*Học khôn học đến chết, học nét học đến già*” [2; tr 120], “*Ông bảy mươi học ông bảy mốt*” [2; tr 141]. Câu tục ngữ đã cho thấy cách nhìn của cha ông ta về mọi mặt của cuộc sống, cũng như về mối quan hệ của con người đối với thế giới. Trên cơ sở thấu hiểu sự vận động, biến đổi và phát triển không ngừng của thế giới, cha ông ta đã nhận thức được sự vô cùng của kiến thức, sự vô hạn của thế giới với sự hữu hạn trong hiểu biết và trong sự tồn tại của mỗi con người. Chính vì vậy, con người phải học suốt đời, đến già cũng phải học, học bao nhiêu cũng là chưa đủ. Đây chính là tư tưởng biện chứng hết sức sâu sắc của cha ông ta, thể hiện triết lí sống và tinh thần hiếu học của dân tộc ta từ bao đời nay. Và đó cũng chính là tư tưởng, triết lí giáo dục của thế giới hiện đại. Thông qua việc học tập suốt đời, học

## DIỄN ĐÀN ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Diễn đàn với sự hợp tác của Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực)

trong sách vở, học trong cuộc sống, con người sẽ tích lũy được kinh nghiệm, cập nhật được kiến thức phục vụ cuộc sống của chính mình, làm cho bản thân ngày càng hoàn thiện, cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn.

### 4. Vai trò của người thầy

Trên cơ sở khẳng định tầm quan trọng của việc học, cha ông ta luôn đặc biệt đề cao tầm quan trọng, vai trò to lớn của người thầy - thầy trong nhà trường và trong cuộc sống, trong sự thành công của mỗi con người: “*Đốt kia thì phải cây thầy, Vụng kia cây thợ thì mày làm nên*” [1; tr 62].

Tục ngữ luôn thể hiện sự quý trọng, biết ơn công lao và sự đóng góp của người thầy đối với xã hội: “*Mồng một tết cha, mồng ba tết thầy*” [1; tr 106], “*Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa*” [1; tr 107]. Đặc biệt, tục ngữ còn xem công lao dạy dỗ của thầy sánh ngang với công lao cha mẹ. Cha mẹ là người sinh thành, dưỡng dục, thầy là người chỉ bảo, truyền đạt tri thức giúp con người có thể trưởng thành, lập thân, lập nghiệp: “*Cơm cha, áo mẹ, công thầy*” [2; tr 35]. Qua đó, khẳng định tinh thần hiếu học, truyền thống tôn sư trọng đạo, lối sống ân nghĩa, trọng tình nghĩa, đạo lí, coi trọng người có chữ, có tài của cha ông ta từ xưa đến nay.

Có thể nói, triết lí về việc học được thể hiện trong tục ngữ Việt Nam khá toàn diện, mang tinh thần tiên bộ của thế giới hiện đại. Từ mục đích, nội dung, đến phương pháp của việc học đều thống nhất với nhau trên cơ sở triết lí “*Học để làm người*”. Điều đó đòi hỏi người học phải cần cù chịu khó, thông minh, sáng tạo; phải học suốt đời; phải tự học là chính; học mọi lúc, mọi nơi - trong nhà trường, trong cuộc sống, trong nhân dân; học thầy, học bạn, học người già, học người trẻ; và học phải đi đôi với hành, gắn việc học với thực tiễn cuộc sống, phục vụ thực tiễn; học để trở thành người cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, góp phần xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp và học để sống với nhau có tình có nghĩa hơn. Đó là triết lí hết sức sâu sắc của dân tộc ta và nó vẫn giữ nguyên giá trị cho đến ngày hôm nay. Việc thấu hiểu và kế thừa những triết lí dân gian được cha ông ta đúc kết trong tục ngữ sẽ giúp chúng ta có hướng đi đúng đắn, tiếp thêm nội lực để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT hiện nay. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (1999). *Tuyển tập Văn học dân gian* (tập 4, quyển 1: Tục ngữ - Ca dao). NXB Giáo dục.
- [2] Nguyễn Nghĩa Dân (2000). *Đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam*. NXB Thanh niên.

[3] Vũ Ngọc Phan (2010). *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*. NXB Văn học.

[4] Mã Giang Lân (2008). *Tục ngữ, ca dao Việt Nam*. NXB Văn học

[5] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.

## Tích hợp trong sách giáo khoa...

(Tiếp theo trang 2)

DH; và DHTH được xem là “một quan niệm về quá trình học tập, trong đó toàn bộ quá trình học tập góp phần hình thành ở HS những năng lực cụ thể có dự tính trước những điều kiện cần thiết cho HS, nhằm phục vụ cho các quá trình học tập sau này hoặc nhằm hòa nhập HS vào cuộc sống lao động” [4; tr 73]. Vì vậy, trong thời gian tới, tương quan giữa GV - SGK - HS sẽ được xác lập một cách cụ thể hơn: một mặt, các thể hệ GV tương quan điểm TH; mặt khác phải xem phát triển năng lực người học, dạy cách học (*learning to learn*) cho người học không chỉ là mục tiêu mà còn là điều kiện của đổi mới căn bản, toàn diện GD phổ thông, bởi vì, suy cho cùng, chỉ có HS - những người tiếp nhận kiến thức đồng thời từ nhiều môn học, nhiều GV - mới thực sự là những chủ thể TH kiến thức nội môn, liên môn (và xuyên môn) để vừa phát triển học vấn phổ thông, vừa rèn luyện được năng lực ứng xử, giải quyết những tình huống thực tế đặt ra trong nhà trường và trong cuộc sống, làm cho quá trình học tập thực sự trở nên có ý nghĩa với chính bản thân mình. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Ngọc Thống (2006). *Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn trung học phổ thông*. NXB Giáo dục.
- [2] Nguyễn Khắc Phi (tổng chủ biên) (2006). *Ngữ văn 6*, sách giáo viên (tập 1). NXB Giáo dục.
- [3] Bộ GD-ĐT (2014). *Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*. www.moet.edu.vn
- [4] Xavier Roegiers (1996). *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường?* (Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhị dịch). NXB Giáo dục.
- [5] Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường. *Lí luận dạy học hiện đại. Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Phan Trọng Luận (tổng chủ biên) (2012). *Ngữ văn 10* (tập 1). NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Phan Trọng Luận (tổng chủ biên) (2012). *Ngữ văn 12* (tập 1). NXB Giáo dục Việt Nam.